TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *K, ngày 08 tháng 04 năm 2024*

Số: 48/2024/QĐST- HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 50/2024/TLST – HNGĐ, ngày 19/03/2024 về việc xin ly hôn, giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn V - sinh năm 1978; Trú tại: Xóm T, thôn Đ, xã Đ1, huyện K, H.

- **Bị đơn:** Chị Văn Thị N - sinh năm 1981. HKTT: Xóm T, thôn Đ, xã Đ1, huyện K, H. Hiện trú tại: thôn D, xã Đ1, huyện K, tỉnh H.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 08/08/2006. Người giám hộ cho cháu Tuấn A là anh Nguyễn Văn V, chị Văn Thị N – bố mẹ đẻ của cháu.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 03 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29/03/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn V và bị đơn chị Văn Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 08/08/2006 cho anh V được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Tuấn A trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: anh V, chị N không yêu cầu tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Nga có quyền thăm nom con chung của mình theo quy định của pháp luật.

2.2. Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình: Anh V và chị N không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

2.3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn V tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và được chị N nhất trí. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà anh V đã nộp theo biên lai thu số 0001180, ngày 19/03/2024, nên anh V được trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện K;*
- *UBND xã Đ1;*
- *Chi cục THADS huyện K;*
- *TAND tỉnh H;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ THU H1